

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀI ĐỨC - TTQHNH PHỐ TQH NỘI

- TTQHnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Đỗ Văn Nghiê**m

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lương Thị Nga**

2. Bà **Nguyễn Thị Xuân Hương**

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoài Đức, TTQHnh phố TQH Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức, TTQHnh phố TQH Nội tham gia phiên toà: Bà Trung Thị Quỳnh Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 03 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoài Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 581/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-DS ngày 10/03/2023; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh TQV, sinh năm 1979; cư trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện Hoài Đức, tTQHnh phố TQH Nội – Có mặt

Bị đơn: Chị NTH, sinh năm 1974; cư trú tại: Thôn Đ, xã L, huyện Hoài Đức, tTQHnh phố TQH Nội – Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 01/02/2022 và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án của anh TQV trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị NTH được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Phù, huyện Hoài Đức, tTQHnh phố TQH Nội vào ngày 18/07/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại Thôn Đ, xã L, huyện Hoài Đức, tTQHnh phố TQH Nội. Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 12 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, chúng tôi đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không có hiệu quả; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2017

cho đến nay, thời gian ly thân chúng tôi không còn quan tâm đến nhau cả về kinh tế lẫn tình cảm. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ, tôi đề nghị Tòa án cho tôi được ly hôn chị NTH

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu TQD, sinh ngày 26/02/2000; cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007. Ly hôn, Cháu TQD đã trưởng thành, việc cháu ở với ai là quyền cháu, còn cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007, hiện nay cháu vẫn đang ở với tôi, nguyện vọng của cháu được ở với tôi (bố), vì tôi có nTQH ở cùng ông bà nội, có nghề sửa xe máy thu nhập ổn định tôi đồng ý nuôi cháu và không yêu cầu mẹ cháu phải cấp dưỡng, vì hiện nay hàng ngày mẹ cháu đi nhặt ve chai kiếm sống, không có khả năng nuôi dưỡng cháu.

3. Về tài sản chung: Vợ chồng xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về công nợ: Vợ chồng khẳng định không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì vợ chồng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

*** Tại bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn là chị NTH trình bày:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh TQV được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Phù, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội vào ngày 18/07/2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; lý do mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột dẫn đến tình cảm vợ chồng sút mẻ, không tìm được tiếng nói chung. Mâu thuẫn của tôi và anh TQV đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Tuy nhiên, tôi không muốn ly hôn vì các con bị thiếu bố, thiếu mẹ, nên tôi không muốn ly hôn.

2. Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu TQD, sinh ngày 26/02/2000; cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007. Ly hôn, cháu TQD, sinh ngày 26/02/2000 đã trưởng tTQHnh, cháu ở với ai là quyền cháu; còn cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007, nguyện vọng tôi được nuôi cháu, tôi đi nhặt ve chai nhưng tôi là mẹ vẫn muốn được nuôi cháu TQH. Không yêu cầu anh TQV cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung: Chị NTH xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về công nợ: Chị khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì anh chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hoài Đức phát biểu ý kiến:

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký

được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định, như: Điều tra, xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được tạo mọi điều kiện để thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng dân sự, nhưng bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận đơn xin ly hôn của anh TQV; cho anh TQV được ly hôn chị NTH; giao con chung là cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007 cho anh TQV trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu khác. Ghi nhận việc tạm hoãn đóng góp phí tồn nuôi con chung cho chị NTH. Chị NTH được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, nTQH đất chung, công nợ chung: Anh chị xác nhận không có nên không xét. Anh TQV chịu án phí ly hôn theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn, nguyên đơn đều cư trú trên địa bàn huyện Hoài Đức, tTQHnh phố TQH Nội. Nay nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1, 7 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, chị NTH không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng để giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị NTH và áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo luật định [1].

2. Về quan hệ hôn nhân và yêu cầu của các bên:

Xét quan hệ hôn nhân giữa anh TQV và chị NTH là hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã La Phù, huyện Hoài Đức, tTQHnh phố TQH Nội vào ngày 18/07/2006, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì đã phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Tòa án đã xác minh tại địa phương, được biết anh chị có mâu thuẫn, nay Tòa án thụ lý vụ án và triệu tập các bên đến để hòa giải đoàn tụ; tuy nhiên, chị NTH đã không chấp tTQHnh và chống đối không đến làm việc để hòa giải, anh TQV vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn giữa anh TQV và chị NTH là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của anh TQV xin ly hôn với chị NTH là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp thuận đơn xin ly hôn của anh TQV; Áp dụng Điều 51, 56, 57, 58 Luật Hôn nhân và gia đình cho anh TQV được ly hôn với chị NTH là có căn cứ [2].

3. Về con chung: Anh TQV và chị NTH có 02 con chung là cháu TQD, sinh ngày 26/02/2000; cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007; cháu TQD, sinh ngày 26/02/2000 đã trưởng tTQHnh, cháu ở với ai là quyền cháu; còn cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007, xét

điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở; khả năng thu nhập để đảm bảo cuộc sống cho con chung của anh TQV là có điều kiện hơn chị NTH. Hội đồng xét xử thống nhất giao cháu TQH cho anh TQV tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi cháu TQH đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn phí tổn đóng góp nuôi con chung cho chị NTH đến khi có yêu cầu khác. Chị NTH được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản [3].

4. Về tài sản chung: Anh TQV, chị NTH xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết [4].

5. Về công nợ: Anh TQV, chị NTH khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật [5].

6. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội thì anh TQV phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm [6].

7. Về quyền kháng cáo: Anh TQV, chị NTH có quyền kháng cáo bản án theo luật định [7].

Từ nhận định trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 58, khoản 3 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của anh TQV yêu cầu ly hôn chị NTH. Anh TQV được ly hôn với chị NTH.

2. **Về con chung:** Giao cháu TQH, sinh ngày 19/10/2007, cho anh TQV trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung đến khi cháu TQH đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn phí tổn đóng góp nuôi con chung cho chị NTH đến khi có yêu cầu khác. Chị NTH được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản

3. **Về tài sản chung:** Anh chị xác nhận không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết

4. **Về công nợ:** Anh chị khẳng định vợ chồng không vay mượn ai, nếu sau khi ly hôn có người nào đến yêu cầu Tòa án giải quyết về việc vợ chồng vay nợ thì chị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

5. Về án phí: Anh TQV phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2020/0016234 ngày 26/12/2022 tại Chi cục Thi TQHnh án dân sự huyện Hoài Đức, tTQHnh phố TQH Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên bản án ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TANDTP TQH Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THA huyện Hoài Đức;
- đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Đỗ Văn Nghiêm